

TRAO ĐỔI VỀ VIỆC GIẢNG DẠY LUẬT, CÁC KÌ THI TƯ PHÁP VÀ NGHỀ LUẬT

PGS.TS. CAO NGUY (GAO WEI) *

Chế độ thi tư pháp là chế độ nhằm chuẩn hoá nghề luật, mục đích của các kì thi này là nhằm xây dựng những điều kiện cơ bản cho nghề luật, xác định những tố chất cơ bản cho những người làm nghề luật, hình thành tiếng nói chung, phương pháp tư duy chung và quan niệm chung về luật pháp cho cộng đồng những người tham gia trong nghề luật. Nghề luật là nghề đặc thù, một mặt nó liên quan đến quá trình tích lũy kinh nghiệm trong cuộc sống, liên quan đến quá trình rèn luyện tư duy và xây dựng tâm hồn; mặt khác nó còn liên quan đến khả năng lãnh hội và vận dụng pháp luật. Học giả người Mỹ H. Hamilton đã từng nói: *"Những vấn đề do điểm yếu của loài người gây ra rất nhiều dạng, các vụ án nhiều không kể xiết, phải là những người dùi mài kinh sử lâu dài mới có thể nắm bắt được. Vì vậy, trong xã hội chỉ có một bộ phận không nhiều những người có đầy đủ những tri thức pháp luật và trở thành những thẩm phán chân chính"*.⁽¹⁾ Xét về ý nghĩa nào đó, kì thi tư pháp mới chỉ là tiền đề cho nghề luật, hơn nữa giữa giảng dạy luật và nghề luật là quá trình tương hỗ lâu dài với nhau.

1. Kì thi tư pháp - cơ sở mang tính kĩ thuật của nghề luật

Các kì thi tư pháp, với vai trò nhằm tiêu chuẩn hoá, vì vậy việc thiết kế nội dung thi và hình thức thi phải đáp ứng yêu cầu thống

nhất giữa lí luận và thực tiễn. Chế độ thi quy chuẩn và hình thức lượng hoá bằng chấm điểm giúp cho việc đánh giá khả năng nắm vững các nguyên lí cơ bản của pháp luật, phương pháp tư duy pháp luật và những phương pháp cơ bản vận dụng pháp luật của những người xin vào làm việc trong ngành luật; có tác dụng tốt cho việc xây dựng năng lực chung về tri thức pháp luật và kĩ thuật luật pháp cho cộng đồng những người làm trong ngành luật. Nói một cách cụ thể, việc xác định vai trò của kì thi tư pháp, phải là kì thi tri thức mang tính kĩ thuật, thông qua các kì thi được tổ chức theo dạng kĩ thuật này, sẽ lựa chọn ra được những người xin vào ngành luật có lí luận cơ bản và khả năng vận dụng pháp luật. Như vậy, việc xác định yêu cầu khung cho nghề luật sẽ trở thành trọng tâm cơ bản cho nội dung các kì thi tư pháp. Tác giả cho rằng đối với các kì thi tư pháp, đương nhiên trọng tâm là đánh giá các kiến thức kĩ thuật của ngành luật, bên cạnh đó chúng ta cũng phải coi trọng việc đánh giá khả năng vận dụng pháp luật của những người tham gia. Về năng lực vận dụng pháp luật, đại thể có hai nội dung chính sau đây:

* Khoa luật Trường Đại học tổng hợp Văn Nam Trung Quốc

1.1. Những nguyên lý cơ bản của pháp luật

Luật pháp được sinh ra bởi kinh nghiệm lịch sử của đấu tranh và hoà giải của nhân loại. Trong hoàn cảnh những lợi ích đã tạm thời được xác định, lợi ích đó được phân chia và điều chỉnh như thế nào đã trở thành động lực đầu tiên để luật pháp ra đời. Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, những kinh nghiệm được hình thành trong quá trình đấu tranh và hoà giải, vì nó có tính phổ biến nên dần dần trở thành những điều khoản. Những điều khoản này trở thành những nguyên tắc cơ bản của luật pháp. Những nguyên tắc cơ bản của pháp luật thường có tính siêu nghiệm, tính đúng đắn của nó không đến từ kinh nghiệm thực tế mà đến từ sự ngưỡng mộ của cộng đồng những người làm luật và của đại đa số quần chúng trong xã hội. Về một ý nghĩa nào đó, nguyên tắc cơ bản của pháp luật và tín ngưỡng hoà quyện vào nhau và cùng tồn tại. Xuất phát từ việc coi nguyên tắc cơ bản của luật pháp là logic khởi điểm để đưa ra những nguyên lý và lý luận diễn giải, suy luận, tạo thành nguyên lý cơ bản của pháp luật. Vận dụng luật pháp để giải quyết các vấn đề thường phải quay trở về những căn cứ chính đáng của nguồn gốc pháp luật. Vì vậy, nắm vững nguyên lý cơ bản của pháp luật là nội dung quan trọng để có thể vận dụng tốt pháp luật. Bởi vì, khả năng nắm vững nguyên lý pháp luật thể hiện khả năng nắm vững pháp luật của những người xin vào ngành luật. Đối với những người xin vào ngành luật, trong điều kiện “nhìn núi không phải là núi, ngắm sông

không phải là sông”, sau khi học tập và nắm vững những nguyên lý cơ bản của pháp luật, khi tiến hành xử lý hay giải quyết một vấn đề pháp luật trong cuộc sống, có thể không câu nệ vào những nhận thức thông thường trong cuộc sống và những biểu hiện bên ngoài, để nhìn sâu hơn, phát hiện ra những vấn đề thực chất đằng sau những tranh chấp hoặc đằng sau những vấn đề đó. Khả năng phát hiện này, thường được quyết định bởi khả năng nắm vững những nguyên lý cơ bản của pháp luật.

1.2. Năng lực giải thích pháp luật

Nguyên tắc pháp trị yêu cầu luật pháp phải chính xác, để tránh cho việc giải thích pháp luật một cách tùy tiện, đảm bảo cho công dân có thể thực hiện được như mục đích đề ra. Nhưng do sự biểu đạt của ngôn ngữ có những hạn chế nên trong rất nhiều trường hợp, pháp luật không được hiểu và vận dụng hoàn toàn chính xác. Điều này đòi hỏi những người làm nghề luật phải có năng lực giải thích pháp luật. Năng lực giải thích pháp luật thường do 3 yếu tố tạo thành: Khả năng diễn đạt bằng lời nói và chữ viết; tư duy logic và khả năng phân tích quy phạm.

Trước hết, khả năng diễn đạt ngôn ngữ là cơ sở của năng lực giải thích pháp luật. Pháp luật được thể hiện bằng các văn bản, việc hiểu và nắm vững các văn bản pháp luật là tiền đề cho việc giải thích pháp luật. Việc sử dụng chính xác ngôn ngữ trong các văn bản làm cho việc biên soạn và xây dựng pháp luật càng rõ ràng, chính xác, nó cũng giúp cho công việc giải thích luật càng có tính thuyết phục. Thật khó tưởng tượng khi

một bản phán quyết có rất nhiều lỗi văn phạm và ngữ pháp lại có thể vận dụng pháp luật một cách chính xác được.

Thứ hai, khả năng tư duy logic là công cụ quan trọng để giải thích pháp luật một cách hệ thống. Tuy pháp luật là hệ thống mở, bản thân mỗi loại không thể đáp ứng đủ tất cả nhưng những phạm trù và khái niệm riêng của pháp luật có mối liên quan với nhau, hình thành hệ thống khái niệm tương đối độc lập. Khả năng tư duy logic chính là công cụ quan trọng để nghiên cứu hệ thống khái niệm này. Bằng các phương pháp diễn giải và quy nạp nhằm nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa các khái niệm, trên cơ sở đó, bổ sung thêm các hiện thực cuộc sống vào trong các khái niệm hoặc cụ thể hoá các khái niệm vào trong thực tế các vụ án.

Cuối cùng, khả năng phân tích quy phạm là khả năng quan trọng nhất của năng lực giải thích pháp luật. Pháp luật là hệ thống quy phạm, nội dung cơ bản của nó là đánh giá và mệnh lệnh. Vì vậy, giải thích pháp luật về thực chất là giải thích các quy phạm. Hoặc cũng có thể nói rằng về ý nghĩa phương pháp luận thì giải thích pháp luật là một dạng phân tích quy phạm. Khả năng phân tích quy phạm là năng lực rất khó đánh giá và lượng hoá, nó chưa được thể hiện đầy đủ trong các kì thi tư pháp hiện hành. Nó đang đợi được điều chỉnh trong việc cải tiến mô thức và phương pháp tổ chức các kì thi tư pháp, khi đó sẽ tăng thêm nội dung đánh giá năng lực phân tích quy phạm. Vì pháp luật là thế giới quy phạm, không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm và quan sát mà có thể đánh

giá đúng hay sai. Điều đó dẫn tới hàng loạt mệnh đề quan trọng như giải thích quy phạm như thế nào? Đánh giá quy phạm như thế nào? Việc giải thích quy phạm có chia ra giải thích chân thực và giải thích giả tạo? Có phân biệt giữa đúng và sai hay là chỉ có phân biệt tốt xấu? Lấy ví dụ về khái niệm “gây tổn thương” trong luật hình sự, cần vận dụng đúng luật để giải quyết tranh chấp thì cần phải phải giải thích nghĩa nội hàm và nghĩa diễn giải của khái niệm “gây tổn thương” này. Có thể coi tổn hại về tinh thần cũng là gây tổn thương theo luật hình sự? Trong án lệ của Anh đã từng có trường hợp hành vi bỏ ốc sên vào trong bình sữa của người khác bị coi là gây tổn thương. Thẩm phán cho rằng gây tổn thương là hành vi khiến cho tâm lí của người khác không thoải mái. Nhưng cách giải thích này liệu có được công nhận là đúng và không gây nghi ngờ? Bởi vì, do không có biện pháp nào có tính khoa học có thể kiểm nghiệm được để đánh giá đúng khái niệm quy phạm gây tổn thương này. Vì vậy, giải thích quy phạm đòi hỏi có những phương pháp quan sát và thực nghiệm không giống với khoa học tự nhiên hay nói cách khác cần thiết phải bồi dưỡng khả năng phân tích quy phạm.

2. Giảng dạy luật – sự bảo đảm cho tính đúng đắn của nghề luật

Việc đào tạo nghề luật trên bình diện kĩ thuật, có thể bồi dưỡng những năng lực và tố chất cơ bản cho những người làm trong ngành luật nhưng hiệu quả thực sự của luật pháp không chỉ ở các vấn đề kĩ thuật. Hiệu quả đích thực và tính đúng đắn của luật pháp

phần lớn bắt nguồn từ sự tôn nghiêm của pháp luật. Xây dựng tính tôn nghiêm này một mặt yêu cầu nhận thức chung của toàn thể xã hội về lập pháp và tư pháp. Mặt khác cũng yêu cầu việc thi hành đúng đắn luật pháp. Xây dựng hệ thống pháp luật trên bình diện kĩ thuật thì có thể dễ dàng thực hiện nhưng không dễ có được tính đúng đắn và sự tôn nghiêm. Pháp luật trong thời kì Đức quốc xã là tàn sát và kì thị người Do Thái, về hình thức vẫn phù hợp với trình tự lập pháp; cũng như vậy, các thẩm phán thời Đức quốc xã căn cứ theo trình tự tư pháp để phán quyết, kết tội. Về mặt kĩ thuật, lập pháp và tư pháp của Đức quốc xã so với việc lập pháp và tư pháp của xã hội pháp trị hiện đại không có gì khác biệt cơ bản. Vì vậy, các kì thi tư pháp theo bình diện kĩ thuật, không thể hạn chế được những lệch lạc của luật pháp đồng thời cũng không thể chấm dứt sự lộng quyền của những nhân viên tư pháp và đương nhiên về cơ bản khó có thể xây dựng được đạo đức cần có của những người làm luật và lòng tin đối với tính đúng đắn của pháp luật. Như vậy, sự đảm bảo cho tính đúng đắn của pháp luật phải do việc giảng dạy pháp luật cung cấp. Nói một cách cụ thể, việc giảng dạy pháp luật ngoài việc cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính kĩ thuật, còn có thể bồi dưỡng những mặt sau đây cho người học để đảm bảo cho tính đúng đắn của luật pháp:

2.1. Thái độ tự rèn luyện và tự phê phán

Học giả người Mỹ J. Berman đã nói: "*Luật pháp phải được tôn sùng, nếu không nó sẽ trở thành vô giá trị*".⁽²⁾ Việc hình

thành sự tôn sùng đối với luật pháp, dựa vào tinh thần tự rèn luyện và thái độ tự phê. Hoặc nói cách khác, sự tôn sùng này không phải như là tôn sùng một tôn giáo mà nó được hình thành bởi quá trình kiên trì tinh thần xã hội pháp trị thông qua quá trình tự rèn luyện và thái độ tự phê.

Khái niệm tự rèn luyện và tự phê tức là người học cần phải có tư duy mở, có thể tiếp nhận nhiều luồng tư tưởng và học thuyết khác nhau không bằng lòng với những nhận thức của mình mà thường xuyên liên hệ giữa thực tiễn và lí luận, không bảo thủ mà luôn tìm tòi để tìm ra những phán đoán và lời giải đáp đúng đắn nhất theo tinh thần của xã hội pháp trị. Vì vậy, việc giảng dạy pháp luật phải bồi dưỡng cho người học tinh thần cởi mở học hỏi và ý thức tự rèn luyện, không bằng lòng với những suy luận mang tính hình thức. Các cơ sở đào tạo luật của Mỹ thường sử dụng phương pháp giảng dạy bằng án lệ, đó chính là phương pháp bồi dưỡng cho người học tinh thần tự rèn luyện và tự phê phán.

Phương pháp dạy học theo án lệ, giáo viên đưa ra những vấn đề có tính chất gợi mở và đặt câu hỏi cho học viên, dẫn dắt học viên đi sâu trao đổi những vấn đề đặt ra trong giáo trình. Các học viên tham gia đều phải nắm rất vững toàn bộ diễn biến của vụ án, không những lí giải được căn cứ đưa đến phán quyết của toà án mà còn đưa ra ý kiến nhận xét của bản thân. Thông qua phương pháp dạy học như vậy, học viên có thể hiểu và nắm vững những quy tắc, án lệ và luật pháp các bang và của liên bang...

Điều quan trọng hơn cả là thông qua quá trình tự rèn luyện và tự phê phán, bồi dưỡng cho người học hiểu sâu sắc những vấn đề pháp luật này sinh và phương pháp giải quyết các vấn đề đó của các cơ quan tư pháp như thế nào. Vì vậy, “*thông qua quá trình học tập như vậy giúp cho các học viên trẻ tuổi hình thành đức tính kiên trì, thực tế, nhạy bén và thái độ hoà nghi*”.⁽³⁾ Nói một cách cụ thể, với phương pháp dạy học như vậy, chúng ta không chú trọng giáo dục cho người học việc tôn sùng những phán quyết mang tính quy tắc hình thức mà trang bị cho họ những nhận thức từ những luận cứ chính và suy luận thực chất.

Hướng dẫn cho học viên tìm những nguyên nhân xung đột, rèn cho học viên tính nhạy bén trong việc tìm ra cái đúng đắn trong các phán quyết và trong thực tế các vụ án, nghi ngờ đối với những vấn đề chưa thông của pháp luật. Luật pháp được lí giải theo tinh thần giảng dạy luật theo phương pháp tự rèn luyện, tự phê phán là “*không phải truyền thụ những khái niệm trừu tượng được rút ra từ lịch sử và lực lượng sản xuất xã hội được tạo ra bởi hình thức. Các quy tắc luật pháp không phải là một hệ thống tri thức hoàn toàn độc lập với bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội*”.⁽⁴⁾

Ở Trung Quốc, những địa phương trong giai đoạn quá độ còn coi trọng mô thức tư duy mang tính hình thức và tính kĩ thuật thì ở nơi đó còn thiếu tinh thần tự rèn luyện và tự phê phán. Khoản 1 Điều 347 Bộ luật hình sự Trung Quốc quy định: “*Buôn lậu, buôn bán, vận chuyển, sản xuất chất ma tuý, bất*

kể số lượng nhiều hay ít, đều phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị trừng phạt hình sự”. Nếu chỉ xem xét về kĩ thuật và hình thức, chỉ cần mua bán 1g heroin hoặc cafein thì đã đủ cấu thành tội phạm, vì vậy có cơ quan tư pháp căn cứ vào điều này đã định tội buôn bán ma tuý với người có hành vi mua 0,1g heroin.⁽⁵⁾ Nhưng cách giải thích hoặc đưa ra phán quyết mang tính kĩ thuật này nhìn bề ngoài có vẻ như chấp hành rất chính xác quy định của luật hình sự nhưng về thực chất nó đã đi ngược lại nguyên tắc pháp định căn cứ vào tội để định hình phạt.

Vì vậy, nguyên tắc pháp định lượng hình theo tội từ thế kỉ XX đã chuyển dần từ bình diện hình thức sang bình diện thực chất, đặc biệt là nguyên tắc phù hợp với thực thể đang được đưa vào nguyên tắc pháp định lượng hình theo tội. Từ đó tiến hành sửa đổi và phong phú thêm nguyên tắc pháp định lượng hình theo tội mang tính hình thức: “*không có luật pháp thì không có tội phạm và cũng không có hình phạt*”. Điều này đã bổ sung và hoàn thiện hơn những kết luận được rút ra từ bình diện hoàn toàn mang tính hình thức đã tồn tại khá lâu dài đối với nguyên tắc pháp định lượng hình theo tội: chỉ cần có quy định của pháp luật, bất kể nội dung mà pháp luật quy định về hình phạt như thế nào, đều được coi là không vi phạm quy định của pháp luật về định tội.

Như vấn đề một lượng rất nhỏ chất ma tuý, cafein là loại chất độc hại nhưng đây là loại rất thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, trong rất nhiều loại thuốc và đồ uống

có chứa một hàm lượng nhất định cafein, nếu không kết hợp với quy định về nồng độ độc tố thì hàng ngày có bao nhiêu hành vi buôn bán cafein? Chỉ mua bán một lượng rất nhỏ cafein, thậm chí chỉ là 1g cafein cũng đủ gây nguy hiểm cho xã hội đã cấu thành tội phạm và cần nghiêm trị hay sao? Câu trả lời không thuyết phục, thậm chí đối với nhiều người nó chưa được thấu tình đạt lý. Hơn nữa, trong thực tế tư pháp cũng dường như chưa định tội và xử phạt với những người mua bán lượng rất nhỏ chất ma túy mà thường người ta chỉ áp dụng biện pháp xử phạt hành chính. Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy luật, cần phải bồi dưỡng cho học viên tinh thần tự rèn luyện và tự phê phán, chỉ có như vậy mới có thể sửa và phòng ngừa một cách có hiệu quả tính cứng nhắc hoặc giáo điều trong việc giải thích và vận dụng luật pháp. Như một học giả nổi tiếng của Nhật đã chỉ ra rằng: “*Luật là một ngành học có tính chất rất phức hợp và tổng hợp. Nó vừa là kiến thức có tính nhận thức, vừa là kiến thức có tính phê phán, nó còn là kiến thức mang tính sáng tạo*”.⁽⁶⁾

2. 2. Quan điểm pháp trị

Quan điểm pháp trị không hình thành từ những quy tắc luật pháp mang tính kỹ thuật, nó cũng không được hình thành từ tập quán của loài người mà nó ra đời từ việc tôn trọng và nâng niu quyền lợi bản thân của con người. Một học giả người Đức cho rằng việc có nhận thức chung và khát vọng pháp trị bắt nguồn từ tình cảm pháp luật.

Tình cảm pháp luật này có gốc rễ sâu xa từ bản chất của luật pháp. Ông phân tích: “*Khi con người cảm thấy đau khổ vì quyền*

lợi của mình bị xâm hại, khái niệm quyền lợi ở đây rất cuộc là cáo bạch bản năng của vật gì (trước hết là đối với cá nhân họ và sau nữa là đối với xã hội loài người). So sánh với quyền lợi đã được hưởng thụ bình ổn lâu dài thì bản chất chân chính và chính nghĩa của quyền lợi chỉ trong khoảnh khắc tràn đầy tình cảm bằng hình thức tình cảm trực tiếp, nó mới được thể hiện một cách rõ nhất.

Những người chưa tự thân nếm trải đau khổ này hoặc chưa được trải nghiệm đau khổ này thông qua người khác thì cho dù có thuộc lâu lâu các bộ luật vẫn không thể hiểu được quyền lợi này nó là cái gì”.⁽⁷⁾ Quan điểm pháp trị một mặt giả định các cá thể trừu tượng là bình đẳng, mặt khác tuân thủ tính phổ biến của lập pháp. Hay nói một cách đơn giản là quan điểm pháp trị xây dựng trên niềm tin luật pháp là phương thức quy tắc cao nhất trên thế giới này, tất cả mọi người đều phải tuân thủ và tôn trọng pháp luật. Chúng ta phải tuân thủ và tôn trọng pháp luật là vì chúng ta cần một sự đảm bảo cho tương lai. Sự đảm bảo này có lợi cho việc điều chỉnh hiệu quả nhất nguồn tài nguyên xã hội và phát huy đầy đủ tự do cá nhân.

Quan điểm pháp trị loại trừ pháp luật chuyên quyền và tàn bạo, phản đối những quy định có tính kỳ thị, là cơ sở lương tâm và sự tôn sùng cao nhất giúp cho những người làm nghề luật có thể vận dụng đúng đắn pháp luật. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy luật, phải truyền thụ cho người học quan điểm pháp trị, làm cho quan điểm này thực sự thấm vào nội tâm của từng người, hoà vào trong dòng máu của mỗi người, dẫn

dần xây dựng nên một cơ chế hiệu quả lâu dài của việc thực hiện đúng đắn pháp luật.

2.3. Chủ nghĩa nhân đạo

Chủ nghĩa nhân đạo bắt nguồn từ tính hạn chế và nỗi khổ đau của cá thể. Đứng trước bầu trời rộng lớn, dõi theo các ngôi sao là những cá thể, chúng ta luôn có cảm giác nhỏ bé và suy tư. Đối với mỗi quan tâm của cá thể, mỗi quan tâm đối với nhân tính, quan tâm đối với những điều khổ đau, với cách nghĩ suy người ra ta, chúng ta có thể tạo ra thực chất của tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, đó là tôn trọng cá thể, tôn trọng nhân tính. Loài người vừa có tính sinh vật, có thể cảm thụ được khổ đau, mặt khác lại có tính xã hội, mọi hành động của con người đều có ảnh hưởng đến các thành viên khác cùng tham gia trong xã hội. Về ý nghĩa nào đó, cá thể vừa có tính độc lập nhưng cũng bị quyết định bởi xã hội. Để cho xã hội tồn tại và phát triển, loài người cần phải biết tuân thủ những quy tắc và cũng cần phải biết phá bỏ những quy tắc. Hơn nữa đặc trưng của việc phá bỏ quy tắc của loài người, xét trên góc độ rộng nó liên quan đến những chế ước của xã hội. Học giả người Mỹ Ivan Edward Sutherland chỉ ra rằng: mỗi con người đều chịu ảnh hưởng kép của hành vi tuân thủ và đi chệch quỹ đạo.

Một người càng liên hệ nhiều với người xui giục đi chệch ra ngoài quỹ đạo tần suất liên hệ với người đó càng nhiều lần, càng liên tục và càng lâu, hơn nữa vào lúc càng nhỏ tuổi thì khả năng người đó đi chệch quỹ đạo càng cao.⁽⁸⁾ Vì vậy, một cá thể vượt ra ngoài quỹ đạo hoặc vi phạm pháp luật, về ý nghĩa nào đó không phải là một vấn đề của

“phi quyết định luận” mà là hệ quả của sự kết hợp những nhân tố phức tạp trong xã hội mà bản thân con người không thể lựa chọn và không chế được hoàn cảnh của mình.

Như vậy, việc quan tâm và lí giải đối với cá thể, nếu chúng ta gạt ra ngoài các công cụ pháp luật, biết tôn trọng nhân tính của cá thể, đó là sự thể hiện của việc quan tâm và trân trọng tính mạng con người. Trong đào tạo luật cần chú trọng việc giáo dục cho học viên tình cảm đồng loại và tinh thần nhân đạo. Đó cũng là nhằm đạt được mục đích xây dựng tính đúng đắn và sự tôn sùng đối với luật pháp./.

(1). Hamilton, *Văn tập đảng Liên bang*, Nxb. Thương vụ, 1980, tr. 395 - 396.

(2). J. Berman, *Pháp luật và tôn giáo*, Nxb. Tam liên Trung Quốc, 1991, tr. 28

(3). Michael Francis Atiyah: *Hình thức và thực chất trong pháp luật Anh Mỹ*, Nxb. ĐH Chính pháp Trung Quốc, 2005. tr. 327.

(4). Michael Francis Atiyah: *Hình thức và thực chất trong pháp luật Anh Mỹ*, Nxb. ĐH Chính pháp Trung Quốc, năm 2005, tr. 329.

(5). Như một cán bộ tư pháp đã nói: “Trong thực tiễn ở nơi tôi công tác, tòa án chấp hành rất nghiêm túc quy định này trong quá trình xét xử những nghi phạm tội buôn bán ma túy, cho dù là mua bán 0,1g cũng bị kết án hình sự, chưa từng có vụ án nào mà tòa tuyên chưa phạm tội hình sự hoặc miễn trách nhiệm hình sự”. Tham khảo: Lôi Văn, *Mấy vấn đề về áp dụng luật pháp trong các vụ án liên quan đến ma túy, Báo toà án nhân dân*, ngày 7/6/2003.

(6). Tham khảo: Phùng Quân (Chủ biên), *Nghiên cứu luật hình sự so sánh*, Nxb. ĐH Nhân dân Trung Quốc, 2007, tr. 113.

(7). Rudolph von Jhering, *Đấu tranh cho quyền lợi*, Nxb. Pháp chế Trung Quốc, 2004, tr. 45.

(8). Xem: Lưu Viễn, *Bàn về triết học trong luật hình sự*, Nxb. Kiểm sát Trung Quốc, 2004, tr. 205.